

Bản án số: 52/2020/HS-ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hải Huyền.

2. Ông Vũ Ngọc Hân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 52/2020/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Đ**, sinh năm 1998. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao Động tự do; Văn hóa: 07/12. Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1971. Con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1978. Gia đình có 02 anh em; bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Bản án số 68/2018/HSST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và án phí.

Tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Lê Văn V**, sinh năm 1994. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao Động tự do; Văn hóa: 07/12. Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Gia đình có 03 anh em; bị cáo là con thứ nhất. Vợ, con: chưa có. Tiền án, Tiền sự, Nhân thân: không.

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/01/2020 đến ngày 16/01/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

** Bị hại:* Anh Vũ Quang M, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 05, đường G, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Thân Thị T, sinh năm 1953. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Lương Văn T, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường V, thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1998, trú tại thôn N, xã H, huyện V và Lê Văn V, sinh năm 1994, trú tại Thôn L, xã T, thành phố B có mối quan hệ là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên tháng 12/2019, Đ có bàn với V đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chia nhau, V đồng ý. Để thực hiện trộm cắp xe mô tô, khoảng đầu tháng 01/2020, V và Đ đặt mua 01 chiếc Vam phá khóa hình chữ “T” trên mạng, sau đó V trực tiếp đi lấy và trả tiền chiếc Vam phá khóa của một người thanh niên không quen biết và mang về đưa cho Đ cất giữ.

Khoảng 15 giờ ngày 05/01/2020 Đ gọi điện thoại rủ V đi trộm cắp, V đồng ý. Trước khi đi Đ mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 98B2-638.70 của bà nội là Thân Thị T, sinh năm 1953, ở cùng địa chỉ với Đ và mang theo chiếc Vam hình chữ “T”. Đ đi xe mô tô đến đón V. Sau đó V điều khiển xe mô tô chở Đ đi lang thang quanh các tuyến đường ở thành phố B, mục đích tìm xe máy sơ hở để

trộm cắp. Đến khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, khi đi đến số nhà 05 đường G, phường H, thành phố B thì phát hiện trước cửa nhà có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 98E1-088.99 (là xe của anh Vũ Quang M, sinh năm 1985 chủ nhà dựng trên vỉa hè). Quan sát chiếc xe không có người trông coi, V dùng xe đồ cách khoảng 3m đến 5m đứng cạnh giới, Đ xuống xe và lại gần chiếc xe mô tô Dream dùng Vam phá khóa chiếc xe mô tô và dắt xuống đường, nổ máy và đi. Thấy Đ đã trộm cắp được xe mô tô, V điều khiển xe mô tô nhãn hiệu biển số 98B2-638.70 đi về nhà Đ ở thôn N, xã H, huyện V trả xe cho bà Thân Thị T và bắt taxi đi về nhà. Sau khi Đ trộm cắp được chiếc xe mô tô của anh M, Đ điều khiển xe đi đến bãi đất trống cạnh ao bèo thuộc thôn M, xã H, huyện V dùng cà lê, tô vít tháo biển số, yếm xe và 02 gương ra vứt xuống rìa bờ ao bèo. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ gọi điện cho V để hỏi địa chỉ cầm cố xe mô tô trộm cắp thì được V hẹn đón ở Cây xăng T và đưa đến cửa hàng cầm đồ G ở đường V, thôn Đ, xã T, thành phố B do anh Lương Văn T, sinh năm 1983 làm chủ. Tại đây Đ thỏa thuận cầm cố chiếc xe mô tô cho anh T được số tiền 5.000.000 đồng, anh T cắt lãi 500.000 đồng và đưa lại cho Đ 4.500.000 đồng. Sau đó Đ và V bắt xe taxi đi đến nhà nghỉ Hải Dương ở khu công nghiệp Đ, xã H, huyện V thuê phòng nghỉ. Tại đây, Đ chia cho V số tiền 2.000.000 đồng, trả tiền taxi và nhà nghỉ hết 500.000 đồng. Số tiền bán tài sản trộm cắp được Đ và V đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 06/01/2020 Đ quay lại khu vực đã vứt chiếc yếm xe và chiếc biển kiểm soát mang về nhà cất giữ, còn 02 chiếc gương chiếu hậu không tìm thấy.

Ngày 13/01/2020, Nguyễn Hoàng Đ đã đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản và giao nộp 01 biển số xe máy số 98E1-088.99; 01 yếm xe máy màu trắng; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng, số imel 990002769922152.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Hoàng Đ và Lương Văn T thu giữ vật chứng gồm:

Thu tại nơi ở của Đ: 01 Vam phá khóa bằng thép hình chữ “T” thu trong túi áo của Đ treo trong nhà vệ sinh; 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B2-638.70, số khung 510723, số máy JF58E 0396486.

Thu tại nơi ở của anh T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, không có biển kiểm soát, yếm và gương chiếu hậu; số khung 231869, số máy 1532109 thu tại phòng khách tầng 1.

Ngày 13/01/2020, anh Vũ Quang M đã có đơn trình báo gửi Công an thành phố B và giao nộp 01 USB chứa file video được trích xuất từ camera an ninh ghi

lại hình ảnh 02 nam thanh niên trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 98E1-088.99. Cơ quan điều tra đã tiến hành sao chụp thành 05 bản ảnh thể hiện quá trình Đ, V trộm cắp tài sản. Tiến hành cho các bị cáo xem lại 05 bản ảnh Đ, V xác nhận đúng là Đ, V đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 05/01/2020.

Ngày 14/01/2020 Cơ quan điều tra đã thi hành lệnh giữ người, bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Văn V. Khám xét khẩn cấp nơi ở của V không thu giữ tài liệu, vật chứng gì.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Hoàng Đ, Thân Thị T, Lương Văn T nhận dạng qua ảnh, kết quả: Nguyễn Hoàng Đ, Lương Văn T và bà Thân Thị T đều nhận dạng được Lê Văn V.

Tại Kết luận định giá tài sản số 193/KL-HĐĐG ngày 15/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 chiếc xe mô tô có biển kiểm soát: 98E1-088.99, nhãn hiệu Honda Dream, số máy: 1532109, số khung: 231869, màu sơn nâu, đã qua sử dụng, có giá trị 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng)”

Ngày 21/01/2020, Cơ quan điều tra đã trả cho anh M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream; 01 biển kiểm soát; 01 yếm xe máy màu trắng. Đối với 02 chiếc gương chiếu Cơ quan điều tra không thu hồi được, vì giá trị tài sản không lớn nên anh M không yêu cầu định giá tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Quá trình điều tra, xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 98B2-638.70 thuộc sở hữu hợp pháp của bà Thân Thị T, bà T không biết Đ mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên không vi phạm pháp luật. Ngày 21/01/2020 Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T chiếc xe mô tô trên.

Đối với anh Lương Văn T có hành vi nhận cầm cố xe mô tô cho Đ và V nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không vi phạm pháp luật. Đến nay, anh T yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền 4.500.000đồng.

Cáo trạng số 58/KSĐT ngày 01/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Lê Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ và Lê Văn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo nhất trí hoàn trả cho anh Lương Văn T số tiền 4.500.000đồng.

Người bị hại anh Vũ Quang M vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra xác định anh đã được nhận lại chiếc xe mô tô trên và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn T có mặt tại phiên tòa trình bày: Khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên, anh không biết đó là tài sản trộm cắp. Anh đã đưa cho bị cáo Đ số tiền 4.500.000đồng, anh yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền trên. Bị cáo V đã nộp số tiền 2.000.000đồng trả cho anh tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, anh đồng ý nhận số tiền trên, số tiền còn lại 2.500.000đồng anh yêu cầu các bị cáo tiếp tục hoàn trả cho anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ bị cáo Lê Văn V có mặt tại phiên tòa trình bày: Bà có nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B số tiền 2.000.000đồng để trả cho anh T, số tiền trên là của bà, bị cáo V có nhờ bà đi nộp hộ. Nay bà không yêu cầu bị cáo V phải trả cho bà số tiền trên và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị T là bà nội của bị cáo Nguyễn Hoàng Đ có mặt tại phiên tòa trình bày: Ngày 05/01/2020, bà cho bị cáo Đ mượn xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 98B2-638.70, bà không biết bị cáo sử dụng chiếc xe trên vào mục đích phạm tội. Nay bà đã nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức Đ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Lê Văn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

a. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ từ 16 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 13/01/2020.

b. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn V từ 13 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 26 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền cho cả hai bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải hoàn trả cho anh Lương Văn T số tiền 2.500.000đồng. Buộc bị cáo Lê Văn V phải hoàn trả cho anh Lương Văn T số tiền 2.000.000đồng. Xác nhận bị cáo V đã nộp số tiền 2.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Đ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, số Imeil 990002769922152 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa bằng thép hình chữ “T”.

5. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 05/01/2020, tại trước cửa nhà anh Vũ Quang M, sinh năm 1985 ở số nhà 05 đường G, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Hoàng Đ và Lê Văn V đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98E1-088.99, số máy 1532109, số khung 231869, có giá trị là 18.000.000đồng của anh M dựng trước cửa nhà.

Hai bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử nghiêm các bị cáo

bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án do vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Bị cáo Lê Văn V không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo có thái Đ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do vậy cần áp dụng tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho cả hai bị cáo. Bị cáo Đ sau khi phạm tội ra đầu thú nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Văn V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh T nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Đánh giá vai trò của các bị cáo thấy:

Trong vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc thống nhất phân vai cụ thể từ trước nên đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ là người trực tiếp rủ bị cáo V đi trộm cắp tài sản, chuẩn bị công cụ phương tiện đi trộm cắp, người trực tiếp vào lấy tài sản mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. Bị cáo V là người bị bị cáo Đ rủ rê, lôi kéo, là người chở bị cáo Đ đi xung quanh thành phố B xem có ai sơ hở để trộm cắp, khi bị cáo Đ vào lấy tài sản bị cáo V đứng ngoài cảnh giới. Do vậy, bị cáo Đ có vai trò cao hơn so với bị cáo V nên cần có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo Đ với đời sống hàng ngày một thời gian để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo V có vai trò thứ yếu, bị bị cáo Đ rủ rê và làm theo sự phân công của bị cáo Đ, tài sản đã thu hồi trả bị hại, bị cáo V có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần cách ly bị cáo V ra khỏi xã hội mà cho bị cáo V cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tuân thủ pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung: Cả hai bị cáo đều không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập, có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên miễn phạt bổ sung cho cả hai bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lương Văn T yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền 4.500.000đồng, các bị cáo nhất trí hoàn trả cho anh T số tiền trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh T là có căn cứ cần buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải hoàn trả cho anh T số tiền 2.500.000đồng. Bị cáo Lê Văn V phải hoàn trả cho anh T số tiền 2.000.000đồng. (Xác nhận bị cáo V đã nộp số tiền 2.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có nộp cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố B số tiền 2.000.000đồng để trả cho anh T, số tiền trên bà không yêu cầu bị cáo V phải trả cho bà. Bà Thân Thị T đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 98B2-638.70. Nay, bà T và bà Hương không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, số Imeil 990002769922152 là tài sản của bị cáo Đ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 vạm phá khóa bằng thép hình chữ “T” là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo Đ 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng Đ, Lê Văn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

a. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 13/01/2020.

b. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn V 01 (một) năm 01 (một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải hoàn trả cho anh Lương Văn T số tiền 2.500.000đồng. Bị cáo Lê Văn V phải hoàn trả cho anh Lương Văn T số tiền 2.000.000đồng. (Xác nhận bị cáo V đã nộp số tiền 2.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, anh T được lấy lại số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Trả lại bị cáo Nguyễn Hoàng Đ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, số Imeil 990002769922152 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa bằng thép hình chữ “T”.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương